

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-4-2021.
“V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**

2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 677/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1990;

HKTT: Số 108A, tổ 4, ấp N, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khóm T, phường T, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Trần Chí L**, sinh năm 1984;

HKTT: Số 108A, tổ 4, ấp N, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Trần Chí L quen nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2015; có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 06/4/2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân nhau từ ngày 03/12/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay, chị H nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Chí L.

- Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 30/9/2015, hiện con chung đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Trần Chí L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, anh L cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Chí L (Bản photo);

- 01 Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn Trần Chí L - Lê Thị Ngọc H, ngày đăng ký 06/4/2015 do UBND xã M cấp;

- 01 Bản photo chứng thực Giấy khai sinh tên Trần Quang V, sinh ngày 30/9/2015;

- 01 Đơn xác nhận nơi cư trú, có xác nhận của Công an xã M ngày 06/01/2021 (Bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 08/3/2021 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Trần Chí L đang cư trú tại Số 108A, tổ 4, ấp N, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Trần Chí L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2015. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 06/4/2015 nên xác định đây là hôn nhân là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống và đã ly thân với nhau. Mặc dù, chị Hiếu thừa nhận hai bên có gặp nhau để hàn gắn nhưng anh L không có hành động hay đưa ra biện pháp nào để không thuyết phục được chị H tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh L đã được được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 30/9/2015, hiện con chung đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh L cấp dưỡng; Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị H cho rằng con chung đang phát triển tốt, ổn định và cũng đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 thì yêu cầu của chị H là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu của chị H.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012078 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Chí L.

1.2. Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 30/9/2015; anh Trần Chí L không phải cấp dưỡng do chị H không yêu cầu.

Anh Trần Chí L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012078 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô